

Bản án số: 110/2025/HSST
Ngày: 03 - 7 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Lan.

Thẩm phán: Ông Đỗ Tuấn Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bắc Hải, ông Cầm Văn Chinh, bà Lèo Thị Chan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Trần Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 88/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2025/HSST-QĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T; tên gọi khác: không; 15/7/1987 tại huyện S, tỉnh Sơn La; nơi thường trú: Bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La (nay là Bản T, xã C, tỉnh Sơn La); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; đảng phái, đoàn thể: không; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1957 và bà Vũ Thị T1, sinh năm 1964; bị cáo có vợ là Trần Thị T2 (sinh năm 1993) và có 01 con (sinh năm 2014).

Nhân thân: Tại Bản án số 142/HS-ST ngày 19/4/2006 của TAND thị xã Sơn La xử phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tiền án:

- Tại Bản án số 11/2013/HSST ngày 07/01/2013 bị TAND thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xử phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Tại bản án số 94/2015/HSST ngày 14/8/2015 bị TAND huyện Sông Mã xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội Đánh bạc, tổng hợp hình phạt với bản án số 11/2013/HSST ngày 07/11/2013 của TAND thành phố Sơn La xử phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù, được trừ đi 01 tháng 16 ngày, còn phải thi hành hình phạt tù tiếp 22 tháng 14 ngày. Tổng hợp hình phạt chung của hai bản án là 28 tháng 14 ngày tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/12/2016.

Tính đến thời điểm phạm tội ngày 25/11/2017, bị cáo chưa được xóa án tích hai bản án trên.

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2025 cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T*: Ông Cẩm Văn T3 – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh S.

- *Bị hại*:

+ Ông Lê Văn C, sinh ngày 18/9/1989. Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là Tổ dân phố T, phường N, tỉnh Ninh Bình). Vắng mặt.

+ Ông Bùi Văn D, sinh ngày 17/5/1990. Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường T, thị xã M, tỉnh Sơn La (nay là Tổ dân phố A, phường T, tỉnh Sơn La). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Đỗ Tràng T4, sinh ngày 06/4/1988. Nơi cư trú: Tổ dân phố D, phường M, thị xã M, tỉnh Sơn La (nay là Tổ dân phố D, phường M, tỉnh Sơn La). Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Hà Huy G, sinh ngày 20/02/1973. Nơi cư trú: Tiểu khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sơn La (nay là Tiểu khu A, xã T, tỉnh Sơn La). Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La (nay là Bản T, xã C, tỉnh Sơn La). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 11/2017, Nguyễn Văn T đến cơ sở cho thuê xe ô tô tự lái do Lê Văn C làm chủ, địa chỉ tại bản D, xã C, thành phố S, ký hợp đồng thuê xe ô tô BKS 90A-048.79 nhãn hiệu KIA loại xe Rondo, thời hạn thuê 10 ngày, giá thuê 900.000 đồng/ngày, tiền cọc 10.000.000 đồng và để lại 01 giấy chứng

minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T5. C giao xe cùng giấy tờ kèm theo cho T5 gồm: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009754 do Công an tỉnh H cấp ngày 09/3/2017 (bản photo), 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật, 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm của xe ô tô trên.

Hết hạn 10 ngày, T5 mang xe đến gặp C, ký H đồng thuê tiếp lượt mới. Trong thời gian thuê, T5 điều khiển xe xuống thị trấn N, huyện M chơi (Nay là phường T, thị xã M, tỉnh Sơn La) và gặp Bùi Văn D, sinh năm 1990, trú tại T, thị trấn N, huyện M. Qua trao đổi, D đặt vấn đề muốn mua xe ô tô BKS 90A-048.79 Trình đang sử dụng với giá 580.000.000 đồng, T5 lấy số điện thoại của D và hẹn khi nào có nhu cầu bán sẽ liên lạc sau. Thời điểm đó, T5 đang nợ nần, không có khả năng chi trả và muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên đã nảy sinh ý định sử dụng xe ô tô thuê của Lê Văn C và đưa ra thông tin gian dối với Bùi Văn D nhằm mục đích bán xe lấy tiền tiêu xài. Trình lên mạng xã hội Facebook, tìm được một tài khoản giới thiệu nhận làm giấy tờ giả, T5 cung cấp thông tin cá nhân của Lê Văn C và thông tin xe ô tô BKS 90A-048.79 đặt làm 01 Chứng minh nhân dân và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô trên, các giấy tờ đều mang tên Lê Văn C với giá 1.500.000 đồng, thanh toán bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng và nhận hàng qua dịch vụ chuyển phát nhanh tại địa chỉ nhà của T5 tại bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La. Sau khi nhận được giấy tờ đã đặt, T5 dùng ảnh chân dung của mình dán vào Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn C và ép plastic.

Ngày 25/11/2017, T5 gọi điện hẹn gặp Bùi Văn D tại quán cà phê ở thị trấn N M để trao đổi mua bán xe. Khi gặp, T5 giới thiệu tên là Lê Văn C, chủ xe ô tô BKS 90A-048.79 và cho D xem Giấy chứng minh nhân dân, Giấy đăng ký xe ô tô do T5 đặt làm trên mạng. Sau khi kiểm tra xe và giấy tờ, D đồng ý mua và trả tiền cho T5 như đã thỏa thuận, T5 giao xe ô tô cùng giấy tờ gồm: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (do T5 đặt làm trên mạng), 01 giấy chứng nhận kiểm định và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự (là giấy tờ Lê Văn C giao cho T5 khi ký hợp đồng thuê xe). Số tiền có được từ việc bán xe, T5 đã chi tiêu hết.

Ngày 14/12/2017, T5 nhận được điện thoại của C thông báo đến hạn trả xe và thanh toán tiền, T5 gọi điện cho D nói muốn mượn xe về quê 02 ngày và để lại cho D 01 Giấy chứng minh nhân dân số 168126288 mang tên Lê Văn C do Công an tỉnh H cấp ngày 20/5/2014 (do T5 đặt làm trên mạng trước đó), D đồng ý. Trình mang xe ô tô về gặp C, hai bên tiếp tục ký hợp đồng thuê xe từ ngày 14/12/2017 đến ngày 20/12/17. Sau khi hợp thức hóa được việc nhận lại xe, T5 mang về trả cho D. Hết hạn thuê xe, T5 nói dối đang bận công việc và bảo C gia hạn thời gian thuê đến ngoài tết Âm lịch (tháng 02/2018), C nhất trí.

Do sợ bị C gọi điện đòi trả xe và tiền thuê nên T5 đã ngắt liên lạc, đi làm thuê tại các địa phương không cố định.

Ngày 28/01/2018, Bùi Văn D đã bán xe ô tô trên cho Đỗ Trảng T4, sinh năm 1988, trú tại tiểu khu A, thị trấn M, huyện M với giá 580.000.000 đồng. Ngày 07/02/2018, T4 bán lại xe ô tô BKS 90A-048.79 cho Hà Huy G, sinh năm 1973, trú tại tiểu khu A, thị trấn T, huyện T với giá 576.000.000 đồng. Ngày 02/3/2018, sau nhiều lần gọi điện không liên lạc được với Nguyễn Văn T, Lê Văn C sử dụng thiết bị định vị và phát hiện chiếc xe ô tô BKS 90A-048.79 đang ở thị trấn T, huyện T nên đã gửi đơn trình báo đến Công an huyện T. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tạm giữ của Hà Huy G 01 xe ô tô BKS 90A-048.79 cùng giấy tờ liên quan.

Trên cơ sở kết quả xác minh giải quyết nguồn tin tội phạm, ngày 01/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định khởi tố vụ án.

Ngày 11/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn T về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Thời điểm thi hành Quyết định trên, T bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Ngày 19/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S ra Quyết định truy nã đối với Nguyễn Văn T. Ngày 16/01/2025, T bị bắt theo Quyết định truy nã trên.

*** Kết quả trưng cầu giám định:**

(1) Ngày 07/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định số 137/TCGD ngày 07/3/2018 trưng cầu phòng K (PC54) Công an tỉnh S giám định tài liệu, chữ ký, con dấu đối với mẫu cần giám định: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009754 mang tên chủ xe Lê Văn C do Phòng C1 Công an tỉnh H cấp ngày 09/3/2017 với mẫu so sánh là 01 mẫu Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng C1 Công an tỉnh S cung cấp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.

Kết luận giám định số 138 ngày 14/3/2018 của Phòng K, Công an tỉnh S, kết luận: "Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 009754, tên chủ xe: Lê Văn C, SN 1989, địa chỉ X3, T, K, Hà Nam, nhãn hiệu KIA, loại xe RONDO, màu sơn trắng, biển số đăng ký: 90A-048.79, do Phòng C1 Công an tỉnh H cấp ngày 09/03/2017 là Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả."

(2) Ngày 03/4/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định số 2006/TCGD trưng cầu phòng PC54 Công an tỉnh S giám định tài liệu, chữ ký, con dấu đối với Mẫu cần giám định: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009754 mang tên chủ xe Lê Văn C do Phòng C1 Công an tỉnh H cấp ngày

09/3/2017 với mẫu so sánh chữ ký của đồng chí Đỗ Thị Thu H1 - Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh H và mẫu con dấu của Công an tỉnh H.

Kết luận giám định số 161 ngày 06/4/2018 của Phòng K, Công an tỉnh S kết luận:

"- Chữ ký mang tên Đỗ Thị Thu H1 trên Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 009754 đề ngày 09/3/2017 do Phòng C1 Công an tỉnh H cấp phát với chữ ký mang tên Đỗ Thị Thu H1 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải là chữ ký của cùng một người.

- Hình dấu có nội dung "Công an tỉnh H" trên Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 009754 đề ngày 09/3/2017 do Phòng C1 Công an tỉnh H cấp phát với hình dấu có cùng nội dung (do Phòng C1 Công an tỉnh H cung cấp) trên mẫu so sánh ký hiệu M2 không phải là do cùng một con dấu đóng ra."

(3) Ngày 13/5/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định số 2516/TCGD trưng cầu phòng PC54 Công an tỉnh S, giám định chữ viết, chữ ký đối với chữ ký Nguyễn Văn T trên Hợp đồng thuê xe ô tô lập ngày 14/12/2017 với Lê Văn C và chữ viết của Nguyễn Văn T.

Kết luận giám định số 237 ngày 25/5/2018 của Phòng K Công an tỉnh S, kết luận: "Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Văn T trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn T trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký và viết ra.

(4) Ngày 07/6/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định số 2911/TCGD ngày 07/6/2018 trưng cầu phòng PC54 Công an tỉnh S giám định:

- Chữ viết mang tên Lê Văn C ở phần đại diện bên bán trên giấy mua bán xe lập ngày 25/11/2017 giữa đại diện bên mua có chữ ký mang tên Bùi Văn D và chữ viết của Lê Văn C có phải do cùng một người viết ra.

- Giấy chứng minh nhân dân số 168126288 mang tên Lê Văn C do Công an tỉnh H cấp ngày 20/5/2014 là thật hay giả.

Kết luận giám định số 271 ngày 18/6/2018 của Phòng K Công an tỉnh S, kết luận:

- Chữ viết trên Giấy mua bán xe đề ngày 25/11/2017 đứng tên người bán Lê Văn C, người mua Bùi Văn D trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 (trừ chữ ký, chữ viết dưới mục: Đại diện bên mua) với chữ viết của Nguyễn Văn T trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là chữ viết của cùng một người.

- Giấy Chứng minh nhân dân số 168126288 mang tên Lê Văn C, sinh ngày 15-8-1989, nơi ĐKKH thường trú: 13, T, Kim B, Hà Nam do Công an tỉnh H cấp ngày 20/5/2014 là Giấy chứng minh nhân dân giả.

(5) Ngày 05/3/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Yêu cầu số 90/YC yêu cầu Hội đồng định giá tài sản UBND huyện T định giá xe ô tô BKS 90A-048.79.

Kết luận số 91/KL-HĐĐG ngày 20/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện T kết luận: "Chiếc xe ô tô xe con, nhãn hiệu KIA, số loại RONDO, BKS 90A-048.79, xe đã qua sử dụng và được mua mới năm 2016, theo đề nghị định giá tài sản của Công an huyện T tại Công văn yêu cầu định giá số: 90/YC ngày 05/3/2018; xe đã qua sử dụng và được mua mới năm 2017 còn 90,0% giá trị sử dụng, giá trị sử dụng còn lại là 630.000.000 đồng."

* Vật chứng, tài liệu thu giữ, xử lý trong vụ án:

Ngày 02/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tạm giữ của ông Hà Huy G:

- 01 xe ô tô BKS 90A-048.79 nhãn hiệu KIA số loại RONDO.
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009754 mang tên chủ xe Lê Văn C.
- 01 giấy chứng nhận kiểm định số 2610450 của Cục Đ - Bộ G1 cấp ngày 09/3/2017.
- Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô mã số 0017813.

Ngày 11/6/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản trên cho Lê Văn C quản lý và sử dụng.

* Vật chứng chuyển theo hồ sơ vụ án:

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 009754, tên chủ xe: Lê Văn C, sinh năm 1989, địa chỉ: Xóm C, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam, biển kiểm soát 90A - 048.79, do Công an tỉnh H cấp ngày 09/3/2017.
- 01 Giấy chứng minh nhân dân số 050543457, tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 15/7/1987 do Công an tỉnh S cấp ngày 10/11/2017.
- 01 Giấy chứng minh nhân dân số 168126228, tên Lê Văn C, sinh ngày 15/8/1989 do Công an tỉnh H cấp ngày 20/5/2014.

* Trách nhiệm dân sự:

- Sau khi ông Hà Huy G bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T thu giữ xe ô tô BKS 90A-048.79, Bùi Văn D và Đỗ Tràng T4 đã trả lại cho ông G số tiền 576.000.000 đồng (mỗi người góp 288.000.000 đồng). Ngày 15/3/2025, đại diện gia đình Nguyễn Văn T (bà Vũ Thị T1 - mẹ bị cáo) đã bồi thường cho Đỗ Tràng T4 50.000.000 đồng, bồi thường cho Bùi Văn D 50.000.000 đồng. Bùi Văn D có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Văn T và yêu cầu T tiếp tục bồi thường số tiền 238.000.000 đồng.

- Lê Văn C đề nghị Nguyễn Văn T phải trả số 180.000.000 đồng tiền thuê và hao mòn trong thời gian Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tạm giữ xe ô tô BKS 90A-048.79.

* Tình tiết khác trong vụ án:

- Nguồn gốc 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đều mang tên Lê Văn C được xác định là giấy tờ giả trong vụ án, Nguyễn Văn T khai nhận do đặt trên mạng xã hội Facebook, T không nhớ địa chỉ tên tài khoản và nhân thân lai lịch người trực tiếp làm giả các tài liệu trên. Do vậy, ngoài lời khai của các bị cáo, Cơ quan điều tra không có căn cứ mở rộng vụ án.

- Đối với Bùi Văn D, Đỗ Tràng T4, Hà Huy G, khi thực hiện giao dịch mua bán xe ô tô BKS 90A-048.79, các cá nhân không biết Giấy chứng minh nhân dân và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 90A-048.79 là giấy tờ giả, do đó không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

Tại bản Cáo trạng số: 45/CT-VKS-P3 ngày 09/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên toà:

Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng quyết định truy tố.

Ý kiến của bị hại ông Bùi Văn D: Yêu cầu bị cáo bồi thường lại số tiền đã trả cho ông Hà Huy G là 238.000.000 đồng (do đã được mẹ bị cáo bồi thường cho 50.000.000 đồng).

Tại lời khai của ông Lê Văn C yêu cầu bị cáo bồi thường do hao mòn xe từ thời điểm hết hạn thuê cho đến khi thu giữ, nhận lại xe là 180.000.000 đồng.

Kiểm sát viên giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 13 năm đến 14 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 04 năm tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức;

Áp dụng điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt 02 tội là 16 năm đến 18 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T: 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T;

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 009754 và 01 giấy Chứng minh thư nhân dân mang tên Lê Văn C.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại ông Lê Văn C số tiền là 153.000.000 đồng; Buộc bị cáo bồi thường tiếp cho ông Bùi Văn D và ông Đỗ Tràng T4 mỗi người là 238.000.000 đồng;

Về án phí: Xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T - Luật sư Cầm Văn T3: Nhất trí với tội danh, điều luật Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai. Đề nghị Hội đồng xem xét chính sách khoan hồng và xem xét mức hình phạt thấp nhất của khung, xử phạt bị cáo từ 12 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 03 năm tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì thêm. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên trong quá trình điều tra; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều

hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tháng 11/2017, Nguyễn Văn T thuê 01 chiếc xe ô tô BKS 90A-048.79 của ông Lê Văn C tại bản Dữn, xã C, thành phố S. Do nợ nần không có tiền để trả và muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên T đã nảy sinh ý định bán xe ô tô BKS 90A - 048.79 cho ông Bùi Văn D. Do đó, T đã liên hệ với một tài khoản mạng xã hội Facebook và đặt làm Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và Giấy chứng minh nhân dân giả mang tên Lê Văn C rồi tự dán ảnh chân dung của T vào Giấy chứng minh nhân dân. T đã sử dụng những giấy tờ giả đó để gian dối, bán chiếc xe ô tô trên cho ông Bùi Văn D với giá 580.000.000 đồng. Số tiền có được từ việc bán xe, T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- + Đơn trình báo đề ngày 02/3/2018 của bị hại Lê Văn C;
- + Hợp đồng thuê xe ô tô đề ngày 14/12/2017;
- + Giấy mua bán xe đề ngày 25/11/2017 bán cho ông Bùi Văn D;
- + Giấy mua bán xe của anh Đỗ Trảng T4 bán xe cho ông Hà Huy G;
- + Kết luận giám định số 138 ngày 14/3/2018 của Phòng K Công an tỉnh S, kết luận: "Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 009754, tên chủ xe: Lê Văn C, SN 1989, địa chỉ X3, T, K, Hà Nam, nhãn hiệu KIA, loại xe RONDO, màu sơn trắng, biển số đăng ký: 90A-048.79, do phòng C1 Công an tỉnh H cấp ngày 09/03/2017 là Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả."

+ Kết luận giám định số 161 ngày 06/4/2018 của Phòng K Công an tỉnh S kết luận:

"- Chữ ký mang tên Đỗ Thị Thu H1 trên Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 009754 đề ngày 09/3/2017 do Phòng C1 Công an tỉnh H cấp phát với chữ ký mang tên Đỗ Thị Thu H1 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải là chữ ký của cùng một người.

- Hình dấu có nội dung "Công an tỉnh H" trên Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 009754 đề ngày 09/3/2017 do Phòng C1 Công an tỉnh H cấp phát với hình dấu có cùng nội dung (do Phòng C1 Công an tỉnh H cung cấp) trên mẫu so sánh ký hiệu M2 không phải là do cùng một con dấu đóng ra."

+ Kết luận giám định số 237 ngày 25/5/2018 của Phòng K Công an tỉnh S, kết luận: "Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Văn T trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn T trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký và viết ra.

+ Kết luận giám định số 271 ngày 18/6/2018 của Phòng K Công an tỉnh S, kết luận:

“- Chữ viết trên Giấy mua bán xe đề ngày 25/11/2017 đứng tên người bán Lê Văn C, người mua Bùi Văn D trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 (trừ chữ ký, chữ viết dưới mục: Đại diện bên mua) với chữ viết của Nguyễn Văn T trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là chữ viết của cùng một người.

- Giấy Chứng minh nhân dân số 168126288 mang tên Lê Văn C, sinh ngày 15-8-1989, nơi ĐKKH thường trú: 13, T, Kim B, Hà Nam do Công an tỉnh H cấp ngày 20/5/2014 là Giấy chứng minh nhân dân giả.”

+ Kết luận số 91/KL-HĐĐG ngày 20/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện T kết luận: "Chiếc xe ô tô xe con, nhãn hiệu KIA, số loại RONDO, BKS 90A-048.79, xe đã qua sử dụng và được mua mới năm 2016, theo đề nghị định giá tài sản của Công an huyện T tại Công văn yêu cầu định giá số: 90/YC ngày 05/3/2018; xe đã qua sử dụng và được mua mới năm 2017 còn 90,0% giá trị sử dụng, giá trị sử dụng còn lại là 630.000.000 đồng."

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng vật chứng thu giữ, phù hợp với các tài liệu chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Từ các căn cứ như đã nêu trên, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố bị cáo là có căn cứ.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo đã lợi dụng lòng tin của người bị hại, làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và giấy chứng minh thư nhân dân, thông tin gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tổng số tiền 580.000.000 đồng của ông Bùi Văn D và chiếc xe ô tô BKS 90A - 048.79 của ông Lê Văn C. Hành vi của bị cáo phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản có tình tiết định khung hình phạt “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên”, được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, có mức khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân và tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức có tình tiết định khung hình phạt “Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng” được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự, có mức khung hình

phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, có 02 tiền án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Đánh bạc. Tính đến thời điểm phạm tội ngày 25/11/2017, bị cáo chưa được xóa án tích.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn T có 02 tiền án chưa được xóa án tích thuộc trường hợp “*tái phạm nguy hiểm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả một phần số tiền chiếm đoạt là 100.000.000 đồng (cho ông Bùi Văn D 50.000.000 đồng và ông Đỗ Tràng T4 50.000.000 đồng) là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có ông ngoại là Vũ Văn M được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba, chú ruột là Vũ Viết T6 là Liệt sỹ được Tổ quốc ghi công trong sự nghiệp chống Mỹ và tại phiên tòa bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của bị hại, làm giả giấy tờ xe và giấy chứng minh thư, dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tổng số tiền 580.000.000 đồng của ông Bùi Văn D và chiếc ô tô BKS: 90A-048.79 của ông Lê Văn C. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản và làm giả giấy tờ của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm đảm bảo tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, bị cáo Nguyễn Văn T còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung - phạt tiền được quy định tại khoản 5 Điều 174 và khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo không có thu nhập, không có tài sản, không có khả năng để thi hành, do đó không áp dụng

hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Đối với các đối tượng khác liên quan đến vụ án:

Nguồn gốc 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đều mang tên Lê Văn C được xác định là giấy tờ giả trong vụ án, Nguyễn Văn T khai nhận do đặt trên mạng xã hội Facebook, T không nhớ địa chỉ tên tài khoản và nhân thân lai lịch người trực tiếp làm giả các tài liệu trên. Do vậy, ngoài lời khai của các bị cáo, Cơ quan điều tra không có căn cứ mở rộng vụ án.

Đối với Bùi Văn D, Đỗ Tràng T4, Hà Huy G, khi thực hiện giao dịch mua bán xe ô tô BKS 90A-048.79, các cá nhân trên không biết Giấy chứng minh nhân dân và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 90A-048.79 là giấy tờ giả, do đó không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Lê Văn C yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 180.000.000 đồng bao gồm tiền thuê xe chưa trả tính từ ngày 14/12/2017 và tiền hao mòn xe trong quá trình xe bị tạm giữ phục vụ điều tra.

Ông Bùi Văn D và ông Đỗ Tràng T4 yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền mà đã bỏ ra để trả cho ông Hà Huy G, được trừ đi số tiền mà bà Vũ Thị T1 đã khắc phục 100.000.000 đồng (ông D và ông T4 mỗi người đã nhận 50.000.000 đồng), yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm trả tiếp cho mỗi người là 238.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Huy G đã được ông D, ông T4 bồi thường đủ số tiền 576.000.000 đồng nên không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Xét thấy yêu cầu này của các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, cần buộc bị cáo phải trả cho ông Bùi Văn D số tiền: 238.000.000 đồng; ông Đỗ Tràng T4 số tiền: 238.000.000 đồng; ông Lê Văn C số tiền 153.000.000 đồng là tiền thuê xe, hao mòn xe từ ngày 14/12/2017 đến ngày nhận xe (170 ngày x 900.000 đồng/ngày).

Đối với bà Vũ Thị T1, trong giai đoạn điều tra, bà T1 đã bồi thường cho ông D và ông T4 số tiền 100.000.000 đồng để đảm bảo khắc phục hậu quả và không yêu cầu bị cáo trả lại; việc bà T1 bồi thường cho bị cáo Nguyễn Văn T là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 009754, chủ xe Lê Văn C, biển kiểm soát 90A-048.79 do Công an tỉnh H cấp ngày 09/3/2017 (bản gốc),

trong quá trình điều tra đã thu giữ giấy tờ này để phục vụ công tác xác minh, giám định làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo. Xét thấy đây là tài sản giấy tờ hợp pháp của bị hại, cần tuyên trả lại cho bị hại Lê Văn C.

Đối với và 01 giấy chứng minh nhân dân số 168126228 mang tên Lê Văn C (bản gốc) và 01 giấy chứng minh nhân dân số 050543457 mang tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 15/7/1987 do Công an tỉnh S cấp ngày 10/11/2017 (bản gốc). Xét thấy đây là giấy tờ bị cáo Nguyễn Văn T làm giả để thực hiện hành vi lừa đảo, cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 13 (mười ba) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành là 16 (mười sáu) năm tù.

Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 16/01/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Về vật chứng vụ án và tài sản liên quan: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 009754, chủ xe Lê Văn Cường C, sinh năm 1989, địa chỉ: Xóm C, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam, biển kiểm soát 90A - 048.79, do Công an tỉnh H cấp ngày 09/3/2017 (bản gốc).

+ 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân số: 168126228 mang tên Lê Văn C, sinh ngày 15/8/1989, do Công an tỉnh H cấp ngày 20/5/2014 (bản gốc).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T: 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân số: 050543457 mang tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 15/7/1987, do Công an tỉnh S cấp ngày 10/11/2017 (bản gốc).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/3/2025 giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh S và Cục thi hành án dân sự tỉnh Sơn La).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận bị cáo, gia đình bị cáo đã trả một phần số tiền chiếm đoạt cho ông Bùi Văn D 50.000.000 đồng; ông Đỗ Tràng T4 50.000.000 đồng.

Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường tiếp cho:

- Bị hại Lê Văn C số tiền: 153.000.000 đồng (Một trăm năm ba triệu đồng);

- Bị hại Bùi Văn D số tiền: 238.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu đồng);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Tràng T4 số tiền: 238.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu đồng);

Ghi nhận sự tự nguyện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị T1 không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ khi bản án này có hiệu lực pháp luật, các bị hại có đơn đề nghị thi hành án, nếu bị cáo không trả đủ số tiền cho các bị hại thì bị cáo phải trả lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 29.160.000 đồng (Hai mươi chín triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng: 29.360.000 đồng (Hai mươi chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/7/2025).

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án

hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ, về phần trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a, 7^b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm TAND Tối cao tại Hà Nội;
- Viện Phúc thẩm 1 - VKSND Tối cao;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Phòng PC03 - Công an tỉnh Sơn La;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- THADS tỉnh Sơn La;
- Bị cáo; Luật sư;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng Giám đốc, KT, TT và THA;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mai Lan